

Bản án số: 231/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07/5/2020

V/v: *Tranh chấp ly hôn.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Hiền

2. Bà Giang Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giao Linh- Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Giang- kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 848/2019/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST- HNGĐ ngày 26/3/2020 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 443/2020/TB- TA ngày 31/3/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Anh Mai Trọng H**, sinh năm 1984; Nghề nghiệp: Kỹ sư; Nơi đăng ký HKTT: P -CT khu đô thị X, phường P, quận H, thành phố Hà Nội và nơi cư trú: PA-, khu E, Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: **Chị Nguyễn Thu H**, sinh năm 1986; Nghề nghiệp: Nhân viên; Nơi đăng ký HKTT: Tập thể V, TDP T, quận N, thành phố Hà Nội và nơi cư trú: P -CT khu đô thị X, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/12/2019, bản tự khai và các văn bản tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Anh Mai Trọng H, trình bày:

Anh Mai Trọng H và Chị Nguyễn Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/9/2011 tại UBND phường T, quận N, Hà Nội. Sau kết hôn anh chị sống tại P -CT khu đô thị X, phường P, quận H, thành phố Hà Nội, là nhà của hai vợ chồng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống dẫn đến việc vợ chồng không hạnh phúc. Từ

tháng 12/2018, vợ chồng bắt ly thân, anh H chuyển đến PA, khu E, Đ. phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội là nhà thuê ở cho đến nay. Chị H và các con vẫn ở nhà của hai vợ chồng. Thời gian ly thân vợ chồng không ai quan tâm đến ai, kinh tế riêng biệt. Anh H và Chị H có gặp nhau 1 vài lần sau khi ly thân nhưng không nói chuyện được với nhau điều gì vì chỉ cần nói chuyện là căng thẳng, cãi vã. Gia đình hai bên đều biết mâu thuẫn của chúng tôi, chứng kiến việc cãi vã của vợ chồng. Hai bên gia đình nhiều lần hòa giải cho vợ chồng nhưng không thành. Kể từ khi anh H nộp đơn ly hôn tại Tòa án đến nay, Chị H cũng chấp nhận việc vợ chồng ly thân, không ai quan tâm đến ai.

Anh H khẳng định không có người khác ngoài hôn nhân như Chị H trình bày. Hóa đơn mua hàng là để nhằm mục đích tặng đối tác trong kinh doanh. Anh H không quen ai tên MA như tin nhắn Zalo Chị H gửi cho Tòa.

Nay, anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh H xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Mai Trọng N (nam) sinh ngày 03/6/2013; Mai Ngọc Bảo H1(nữ) sinh ngày 23/9/2015. Hiện nay các cháu đang ở với chị H. Anh H đề nghị Tòa án giải quyết để Chị H trực tiếp nuôi hai con, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con 15.000.000đồng/ tháng.

Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh H xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh H trình bày chị không nợ ai và không cho ai vay nợ. Ly hôn, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh H tự nguyện chịu cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Ngoài các yêu cầu trên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Tại bản trình bày ý kiến đề ngày 20/12/2019 và các văn bản tố tụng tại Tòa án, bị đơn Chị Nguyễn Thu H , trình bày:

Chị H xác nhận thời gian kết hôn và thời gian ly thân như anh H đã trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là những va chạm trong sinh hoạt thường ngày mà nhà nào cũng có thể xảy ra, vợ chồng không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng để dẫn đến việc ly hôn. Anh H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng gây căng thẳng, mệt mỏi Chị H nghĩ là do quan điểm của anh H thôi.

Tháng 12/2018 anh H bỏ ra ngoài sống, chị không biết cụ thể anh H có mối quan hệ ngoài hôn nhân với ai. Hiện tại Chị H không nắm được việc anh H có mối quan hệ nào khác không vì chị không quan tâm. Vợ chồng ly thân anh H vẫn quan tâm đến con cái đầy đủ, còn Chị H vẫn qua lại với gia đình anh H bình thường. Tuy nhiên anh H không quan tâm gì đến chị, Chị H có chủ động nói chuyện với anh H để hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không nói chuyện được với anh H. Chị H và gia đình đã có nhiều biện pháp để tác động, níu kéo anh H về nhà đoàn tụ vợ chồng nhưng không thành. Bố mẹ hai bên nhiều lần khuyên giải cho vợ chồng nhưng không thành. Thời gian ly thân vợ chồng cũng không quan tâm gì đến nhau, kinh tế riêng biệt. Chị H chấp nhận cuộc sống ly thân hiện tại vì không làm thay đổi được mối quan hệ vợ chồng hiện tại và cũng muốn vợ chồng có thời gian nhìn nhận lại tình cảm của nhau.

Nay, anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn đối với chị H, chị không đồng ý do con còn nhỏ cần sự quan tâm của bố mẹ và cũng vẫn còn tình cảm với anh H.

Về con chung: Chị H xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Mai Trọng N (nam) sinh ngày 03/6/2013; Mai Ngọc Bảo H1(nữ) sinh ngày 23/9/2015. Ly hôn, Chị H nhất trí với thỏa thuận chị là người trực tiếp nuôi hai con và anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con 15.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị H xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H xác nhận chị và anh H không nợ ai và không cho ai vay nợ. Ly hôn, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh H tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh nhất trí.

Ngoài các yêu cầu trên Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn có mặt và giữ nguyên các yêu cầu của mình, cụ thể:

- Về tình cảm: Anh Mai Trọng H đề nghị được ly hôn Chị Nguyễn Thu H .

Chị H không đồng ý ly hôn với anh H.

- Về con chung: Anh H và Chị H thống nhất người trực tiếp nuôi 02 con khi ly hôn là chị Hương. Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con 15.000.000đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Anh Mai Trọng H và Chị Nguyễn Thu H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Anh Mai Trọng H và Chị Nguyễn Thu H xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, anh H và Chị H không yêu cầu giải quyết vấn đề nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử ngày hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự thủ tục mà bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tòa án có vi phạm về thời hạn xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phát biểu đánh giá các tình tiết của vụ án. Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H đối với chị H. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thỏa thuận của anh H, chị H: giao hai con chung cho Chị Nguyễn Thu H nuôi dưỡng, anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con 15.000.000đồng/tháng. Về tài sản chung(động sản và bất động sản): Dương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về nợ: anh H

và Chị H xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, bị đơn là: **Chị Nguyễn Thu H**, sinh năm 1986; cư trú tại: P -CT khu đô thị X, phường P, quận H, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân quận Hà Đông, TP Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

2. Về nội dung:

[1]. **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Mai Trọng H và Chị Nguyễn Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/9/2011 tại UBND phường T, quận N, Hà Nội. Hôn nhân của anh H và Chị H là hôn nhân hợp pháp.

Trên cơ sở xác minh tình trạng hôn nhân của anh H và Chị H tại tổ dân phố nơi anh chị sinh sống Hội đồng xét xử nhận thấy giữa mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và Chị H không thể hiện ra bên ngoài nên tại địa phương không nắm được mâu thuẫn cụ thể của anh chị. Căn cứ vào lời khai của các đương sự đủ cơ sở xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do hoàn cảnh gia đình, vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng về quan điểm sống. Chị H cho rằng anh H ngoại tình xuất phát từ các tin nhắn qua lại giữa tài khoản Zalo, Facebook của anh H với người phụ nữ khác và 01 hóa đơn mua hàng tại cửa hàng vàng. Chị H cũng xác nhận ngoài các tin nhắn trên chị không có căn cứ nào khác chứng minh anh H ngoại tình, không biết việc anh mua vòng để tặng ai. Anh H xác nhận không có việc anh ngoại tình, anh khẳng định mình là người kinh doanh nên có các mối quan hệ xã hội xoay quanh việc mua bán hàng hóa. Để phát triển công việc anh phải mua quà tặng đối tác là chuyện bình thường. Hội đồng xét xử sau khi xem xét tập tài liệu là bản in các tin nhắn qua lại giữa tài khoản Zalo của anh H với bạn bè của anh H, nhận thấy nội dung các tin nhắn xoay quanh các câu chuyện về cuộc sống, công việc. Đối với hóa đơn mua hàng không thể hiện được việc anh H mua tặng người phụ nữ khác. Do vậy không có căn cứ để khẳng định anh H có mối quan hệ ngoài hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân phải được xây dựng trên tình yêu thương và sự tin tưởng lẫn nhau, việc Chị H nghi ngờ anh H ngoại tình cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng mất niềm tin với nhau. Việc Chị H có nhiều biện pháp để tác động, níu kéo anh H về nhà đoàn tụ vợ chồng nhưng không thành và chấp nhận cuộc sống ly thân hiện tại vì không làm thay đổi được mối quan hệ vợ chồng cho thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có tiếng nói chung. Thời gian vợ chồng ly thân kéo dài dẫn đến khả năng đoàn tụ vợ chồng không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của anh H đối với Chị H là có căn cứ, phù hợp với thực tế hôn nhân của anh chị và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia

đình. Vì lẽ trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H đối với chị H.

[2]. **Về con chung:** Anh H và Chị H xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Mai Trọng N (nam) sinh ngày 03/6/2013; Mai Ngọc Bảo H1(nữ) sinh ngày 23/9/2015. Ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận: Chị H là người trực tiếp nuôi hai con, anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 15.000.000đồng/tháng.

Xét việc quan tâm, chăm nom, chăm sóc, giáo dục con cái thành công dân tốt là trách nhiệm chung của cha mẹ. Hiện chị H vẫn đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu nhưng anh H cũng luôn dành đủ điều kiện về vật chất cũng như thời gian để cùng Chị H chăm sóc cháu được tốt nhất. Quá trình vợ chồng ly thân anh H chủ động cấp dưỡng nuôi con, luôn quan tâm đến con. Việc thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn của anh chị phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên cần ghi nhận thỏa thuận trên.

[3]. **Về tài sản chung** (động sản và bất động sản): Anh H và Chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. **Về nợ:** Anh chị xác nhận không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. **Về án phí:** Anh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Từ nhận định trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Anh Mai Trọng H đối với Chị Nguyễn Thu H. Anh Mai Trọng H được ly hôn Chị Nguyễn Thu H.

2. **Về con chung:** Xác nhận Anh Mai Trọng H và Chị Nguyễn Thu H có 02 con chung là Mai Trọng N (nam) sinh ngày 03/6/2013; Mai Ngọc Bảo H1(nữ) sinh ngày 23/9/2015. Ghi nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con khi ly hôn của anh H và chị H: Giao cháu Mai Trọng N và cháu Mai Ngọc Bảo H1 cho Chị Nguyễn Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con chung trưởng thành(đủ 18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của Anh Mai Trọng H cấp dưỡng nuôi 02 con 15.000.000đồng/tháng. Hạn cấp dưỡng kể từ tháng 05/2020 cho đến khi có sự thỏa thuận hoặc quyết định khác thay thế.

Anh H được đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, không ai được ngăn cản.

3. **Về tài sản chung** (động sản+ bất động sản): Anh Mai Trọng H và Chị Nguyễn Thu H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. **Về nợ chung**: Anh Mai Trọng H và Chị Nguyễn Thu H xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. **Án phí**: Anh H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (đã nộp) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 8515 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- Chi cục THA dân sự quận Hà Đông;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Dương sự;
- Lưu.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Vân

